TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 416/2025/HS-PT
Ngày 26/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025, do có kháng cáo của các bị cáo Đỗ Trọng Đ, Đỗ Thanh T1, Lê S và Trần Minh T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 315/2025/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Trọng Đ, sinh năm 1997; tại tỉnh Đồng Nai. Nơi thường trú: Ấp B, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Nay là Ấp B, xã Đ, Đồng Nai); nơi cư trú: C B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là C B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty M1; con ông Đỗ T3 và bà Lê Thị Hồng T4; vợ tên Nguyễn Thị Mỹ T5, chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không;

Bắt tạm giam ngày 10/11/2022. Áp dụng biện pháp C đi khỏi nơi cư trú thay cho tạm giam ngày 21/02/2023; có đơn xử vắng mặt.

2. Đỗ Thanh T1, sinh năm 2000; tại tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: Ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Số G, đường số C, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số G đường số C, Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty M1; con ông Đỗ Thanh H và bà Huỳnh Thị Út T6; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không;

Bắt tạm giam ngày 10/11/2022. Áp dụng biện pháp C đi khỏi nơi cư trú thay cho tạm giam ngày 06/01/2023; có mặt.

3. Lê S, sinh năm 1992; tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là V, phường S, Quảng Ngãi); nơi cư trú: 5 Hòa Bình, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty M1; con ông Lê N (chết) và bà Nguyễn Thị C1; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không;

Bắt tạm giam ngày 15/11/2022. Áp dụng biện pháp C đi khỏi nơi cư trú thay cho tạm giam ngày 06/01/2023; có mặt.

3. Trần Minh T2, sinh năm 1993; tại tỉnh Tiền Giang. Nơi thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty M1; con ông Trần Văn K và bà Võ Thị Kim H1; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không

Bắt tạm giam ngày 15/11/2022. Áp dụng biện pháp C đi khỏi nơi cư trú thay cho tạm giam ngày 17/02/2023; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đ: Bà Đào Thị Bích L là Luật sư Văn phòng H9 và Cộng sự, Đoàn luật sư Thành phố H; gửi bài bào chữa và vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T1: Bà Lê Hà Thúy L1 là Luật sư Văn phòng L6, Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo S: Ông Lê Viết L2 là Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Văn T7, Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt;

Người bào chữa cho bị cáo T2: Bà Vi Thị Minh H2 là Luật sư của Công ty L7, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt;

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo và liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty M1 (viết tắt là Công ty M1 hoạt động trong lĩnh vực cho vay, tài chính, có trụ sở chính tại địa chỉ số I P, phường B, Quận A và thuê văn phòng tại Lầu 3, 4 cao ốc H3, số C H, Phường F, Quận D để hoạt động.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T8, Đỗ Trọng Đ, Trịnh Ngân B, Nguyễn Thị Ngọc T9, Phạm Hùng Dương L3, Nguyễn Trung T10, Đồ Thanh T11, Phạm Thị Bích T12, Nguyễn Công N1, Phạm Nguyễn Ngân H3, Nguyễn Hoàng T13, Trần Minh T2, Lê S và Phạm Văn T14 là nhân viên của Công ty M1.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, do có một số khách hàng vay nhưng không trả nợ theo hợp đồng nên Công ty M1 đã thành lập các nhóm Soldout để đi đòi nợ, cụ thể:

Nhóm "Soldout A" gồm: Nguyễn Ngọc T8 (trưởng nhóm) và các nhân viên Phạm Văn T14**,** Trịnh Ngân B, Nguyễn Thị Ngọc T9, Phạm Hùng Dương L3, Nguyễn Trung T10, Đỗ Thanh T1, Phạm Thị Bích T12, Lê S, Lê Thị Mai T15, Lê Văn T16, Lưu Phát T17, Lê Tuấn C2, Đoàn Ngọc T18;

Nhóm "Slodout B" gồm: Đỗ Trọng Đ (trưởng nhóm) và các nhân viên Nguyễn Công N1, Phạm Nguyễn Ngân H3, Nguyễn Hoàng T13, Trần Minh T2, Hoàng Thị T19, Nguyễn Ngọc L4, Nguyễn Công T20, Huỳnh Thị Kim B1, Dương Nguyên T21, Nguyễn Thị Kim P, Võ Thị Ngọc H4, Võ Phi K1, Hồ Thị L5.

Vào khoảng tháng 10/2022, do áp lực về việc thu hồi nợ, các bị cáo T8 và Đ tự ý cho phép nhân viên thuộc nhóm của mình quản lý thực hiện việc đòi nợ người vay tiền (khách hàng) với cách thức như sau: Sau khi gọi điện thoại liên lạc với khách hàng không được, hoặc liên lạc được nhưng khách hàng từ chối trả nợ, thì nhân viên sẽ dùng sim điện thoại không đăng ký (sim rác) gọi điện, nhắn tin đến khách hàng và người thân, bạn bè, đồng nghiệp của khách hàng để đe dọa, tạo áp lực buộc khách hàng trả nợ. Nếu cách thức vừa nêu không hiệu quả thì sẽ dùng phần mềm tin học quét nhanh số điện thoại của khách hàng để tìm tài khoản Facebook, tài khoản Zalo của khách hàng, rồi tải các hình ảnh của khách hàng, người thân, bạn bè, đồng nghiệp của khách hàng từ tài khoản Facebook, tài khoản Zalo của khách hàng về máy tính, điện thoại. Sau đó, tiếp tục dùng các phần mềm tin học cắt, ghép ảnh của khách hàng và người thân của khách hàng với ảnh khiêu dâm, ảnh bàn bàn thờ, ảnh đám tang kèm với những nội dung không có thật, rồi sử dụng nền tảng Facebook, Zalo gửi ảnh đã tạo được đến tài khoản Facebook, tài khoản Zalo của khách hàng (gọi là "Spam") để tạo áp lực buộc khách hàng trả nợ.

Công ty M1 không có chủ trương, chỉ đạo cách thức đòi nợ như đã nêu mà do T8 và Đ tự ý chỉ đạo, hướng dẫn nhân viên do mình quản lý thực hiện.

Hành vi vi phạm cụ thể của các bị cáo trong từng nhóm được xác định như sau:

1.Nhóm "Soldout A" (nhóm 1) gồm: Nguyễn Ngọc T8, Phạm Văn T14, Trịnh Ngân B, Nguyễn Thị Ngọc T9, Phạm Hùng Dương L3, Nguyễn Trung T10, Đỗ Thanh T1, Phạm Thị Bích T12, Lê S, Lê Thị Mai T15, Lê Văn T16, Lưu Phát T17, Lê Tuấn C2, Đoàn Ngọc T18, cụ thể:

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T8:

T8 là trưởng nhóm, có nhiệm vụ duyệt nội dung, cấu trúc ảnh (khoảng 10 mẫu ảnh chứa hình kèm thông tin như khiêu dâm, bàn thờ, đám tang, tai nạn) gửi cho nhân viên trong nhóm để tạo ảnh phù hợp gửi đến với từng khách hàng. Ngoài ra, T8 còn trực tiếp thực hiện việc đòi nợ các khách hàng sau:

Theo hợp đồng số 1416084 ngày 29/5/2020, bà Phạm Thị Bích N2 vay của Công ty M1 18.900.000đ, thời hạn 24 tháng, lãi suất vay 4,08%/tháng, lãi và gốc được chia

đều và phải trả từng tháng. Tính đến ngày 25/3/2021, bà N2 đã trả được 11.925.000đ gốc và lãi, rồi không trả nữa. Theo hợp đồng, bà N2 còn phải trả 13.521.074đ.

Do liên lạc với bà N2 không được nên T8 tìm tài khoản Facebook của bà N2, ông Trương Dân T22 (chồng bà N2), tải hình, cắt ghép tạo ra ảnh chứa hình khiêu dâm, hình căn cước công dân bà N2, kèm dòng chữ *"Em xin làm đĩ để trả nợ..."*; ảnh chứa hình căn cước công dân của bà N2, hình sổ hộ khẩu vợ chồng ông T22, hình ông T22 trên bàn thờ, kèm dòng chữ *"Đối tượng Phạm Thị Bích N2 lừa đảo..."*. Sau đó, T8 dùng tài khoản Facebook ảo bình luận kèm theo các ảnh trên lên tài khoản Facebook "Phạm N2" (của bà N2) và tài khoản Facebook "Minchutang" (của ông T22) để tạo áp lực buộc vợ chồng ông T22 phải trả nợ.

Theo hợp đồng 919912 ngày 18/9/2019, bà Vương Thị Thu H5 vay của Công ty M1 42.200.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 3,25%/tháng, lãi và gốc được chia đều và phải trả hằng tháng. Tính đến tháng 7/2022, bà H5 còn phải trả 59.364.757đ gốc và lãi nhưng bà H5 không trả. T8 tìm được tài khoản Facebook bà H5, người thân và bạn bè của bà H5, rồi tải hình, cắt ghép, tạo ra ảnh chứa hình bà H5, hình khiêu dâm, hình căn cước công dân, kèm nội dung *"Em xin làm đĩ để trả nợ..."* rồi dùng tài khoản Facebook ảo "Hiệp Ngu" bình luận kèm theo ảnh trên lên tài khoản Facebook của bà H5, bạn bè, người thân của bà H5, nhằm tạo áp lực buộc bà H5 trả nợ. Do lo sợ và không có tiền để trả nợ nên bà H5 đã tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Q.

Đối với bị cáo Đỗ Thanh T1:

Theo hợp đồng số 393406 ngày 11/9/2018, bà Thạch Thị H6 vay của Công ty M1 21.100.000đ, thời hạn 24 tháng, lãi suất 4,92%/tháng, gốc và lãi được chia đều và phải trả hằng tháng. Đến ngày 11/12/2019, bà H6 đã trả 18.204.000đ gốc và lãi, rồi không trả nữa. Theo hợp đồng, bà H6 còn phải trả 27.000.000đ.

T1 sử dụng các số điện thoại 0378192669, 0399486266, 0337417188, 0566427576…và tài khoản Zalo "Tý" gọi điện và nhắn tin liên tục đến số điện thoại 0389058826, tài khoản Zalo và tài khoản Facebook bà H6, yêu cầu bà H6 trả nợ. Bà H6 không trả thì T1 dùng tài khoản Facebook "Bùi Thị N3" bình luận kèm theo ảnh chứa ảnh chứng minh nhân dân của bà H6 và gia đình, kèm dòng chữ *"TRUY TÌM ĐỐI TƯỢNG GIỰT NỢ - LIÊN HỆ GIẢI QUYẾT:* 0566427576*... ĐỐI TƯỢNG THẠCH THỊ HƯƠNG Dùng thủ đoạn vay tiền còn hơn 27.000.000đ. ... NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN: VÕ VĂN T23 (CHỒNG)-HUỲNH THỊ THÙY DƯƠNG, NGUYỄN THỊ N4..."* trên Facebook của bà H6 và gia đình, bạn bè, đồng nghiệp của chị H6, tạo áp lực để buộc bà H6 trả nợ. Do lo sợ, ngày 20/10/2022 và ngày 29/10/2022, bà H6 đã trả cho Công ty M1 10.000.000đ thông qua Công ty Cổ phần T27 (bên thu hộ).

Đối với bị cáo Lê S:

Theo hợp đồng số 1250911 ngày 21/02/2020, bà Trần Thị H7 vay của Công ty M1 42.200.000đ, thời hạn 36 tháng, lãi suất 4,58%/tháng, gốc và lãi được chia đều và phải trả hằng tháng. Đến ngày 30/5/2020, bà H7 đã trả được 4.836.794đ gốc và lãi. Theo hợp đồng thì bà H7 còn phải trả 41.148.094đ nhưng bà H7 không trả nữa.

Tháng 09/2022, S gọi điện thoại liên lạc với bà H7 để đòi số nợ nhưng bà H7 không nghe máy. Thông qua mạng xã hội, S đã tải, cắt ghép, tạo ra ảnh chứa hình và căn cước công dân của bà H7, con bà H7, ông Trần Đình T24 (em trai bà H7) kèm dòng chữ *"TRUY TÌM ĐỐI TƯỢNG LỪA ĐẢO…Đối tượng: TRẦN THỊ H7….đồng bọn: TRẦN ĐÌNH T24. TRẦN THỊ HUYỀN vay 40.000.000VNĐ nhưng bỏ trốn…". Sau đó, S* dùng tài khoản Facebook ảo "Boss LsLs" để "Spam" lên tài khoản Facebook của bà H7, gửi tin nhắn đến ứng dụng Messenger của ông T24 và ông Lê Viết B2 (anh họ bà H7), tạo áp lực để buộc bà H7 trả số nợ 41.148.094đ. Do lo sợ và không có tiền để trả nợ nên bà H7 tố giác với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q.

2.Nhóm "Slodout B"(nhóm 2) gồm: Đỗ Trọng Đ, Nguyễn Công N1, Phạm Nguyễn Ngân H3, Nguyễn Hoàng T13, Trần Minh T2 và Hoàng Thị T19, Nguyễn Ngọc L4, Nguyễn Công T20, Huỳnh Thị Kim B1, Dương Nguyên T21, Nguyễn Thị Kim P, Võ Thị Ngọc H4, Võ Phi K1, Hồ Thị L5.

Đối với bị cáo Đỗ Trọng Đ: Đ là trường nhóm 2. Đ lập nhóm lập nhóm Z để nhân viên trong nhóm tạo ảnh và thông tin không đúng sự thật, rồi gửi cho Đ duyệt nội dung, cấu trúc ảnh trước khi các bị cáo trong nhóm 2 "Spam" khách hàng để đòi nợ.

Đối với bị cáo Trần Minh T2:

Theo số hợp đồng số 1182439 ngày 08/01/2020, bà Nguyễn Thị T25 vay của Công ty M1 21.100.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 4,58%/tháng, gốc và lãi được chia đều và phải trả hằng tháng. Đến ngày 15/3/2020, bà T25 đã trả gốc và lãi là 1.480.000đ. Theo hợp đồng, bà T25 còn phải trả 33.475.075đ.

Từ ngày 07/10/2022, T2 dùng tài khoản Zalo "Thúy Hoàng" của Hoàng Thị T19 và tài khoản Zalo "Mua bán nợ" nhắn tin đe dọa, dùng Facebook "Pham Tuyet Uyen", "Phily Ponylai" và một số tài khoản khác để "Spam" quấy rối, tạo áp lực buộc bà T25 trả 21.100.000đ.

T2 biết số điện thoại 0989654940 của bà Lê Thị Tuyết N5 (là bạn của bà T25) và ông Lê Hoàng D (chồng bà T25). T2 dùng sim rác gọi và dùng tài khoản Zalo "Mua bán nợ" nhắn tin yêu cầu bà N5 trả nợ cho bà T25. Bà N5 không đồng ý thì Tiến tải, cắt ghép và tạo ra ảnh *chứa hình bà T25, ông Lê Hoàng D, chị N5 và bạn bè, đồng nghiệp của chị N5 và dòng chữ THÔNG BÁO TRUY TÌM ĐỐI TƯỢNG GIẬT NỢ…ĐỐI TƯỢNG: LÊ HOÀNG DIỆP (Giáo viên Trường Tiểu học A)-LÊ THỊ TUYẾT N5 (Giáo viên Trường THCS T28)..lợi dụng lòng tin, vay tiền rồi bỏ trốn….. Rồi T2* dùng tài khoản Facebook "Pham Tuyet Uyen" để "Spam" lên Facebook của đồng nghiệp và bạn bè của bà T25, tạo áp lực buộc bà T25 trả nợ.

Về vật chứng:

1.Thu giữ của Nguyễn Ngọc T8:

-01 (một) ĐTDĐ hiệu Samsung, màu trắng; thân máy có ghi số Imei: 354813/60/246737/3, có gắn sim ghi dãy số 8984 04800 00463 00554 và sim ghi dãy số 89840 48000 33764 8280;

-01 (một) ĐTDĐ hiệu IPhone, màu Xanh; số Imei thẻ sim: 356194444739271, có gắn sim ghi dãy số 8401 2207 5002 7628;

-01 (một) ĐTDĐ hiệu Samsung, màu đen; số Imei 1: 356418111485557, Imei 2: 356419111485555; có gắn sim ghi dãy số 8984050923 1712423383;

-01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia, màu đen; số Imei: 353454/04/951914/5, có gắn sim ghi dãy số 8984 04800 03236 00757;

-01 (một) ĐTDĐ hiệu ACE, màu đen; số Imei 1: 359053911884266, Imei 2: 359053911884274, có gắn sim ghi dãy số 8984 04800 03870 95623.

2.Thu giữ của Đỗ Trọng Đ: 01 (một) ĐTDĐ hiệu Iphone, màu trắng; số Imei thẻ sim: 354846093051884, có gắn sim ghi dãy số 8401 1803 5012 5345 OT.

7.Thu giữ của Đỗ Thanh T1:

-01 (một) ĐTDĐ hiệu Iphone, màu đen; số Imei thẻ sim: 356550100122963, có gắn sim ghi dãy số 89840 20001 07010 41238;

-01 (một) ĐTDĐ hiệu Samsung, màu vàng đồng; thân máy có ghi dòng chữ SM-J730G/DS, số Imei: 353317/09/159565/3, Imei: 353318/09/159565/1, S/N: R58JA3P4RCA, có gắn thẻ nhớ hiệu Transcend 16Gb và sim ghi dãy số 8984 0480 0033 1052 944, sim ghi dãy số 8984050922 1614363217;

-01 (một) Laptop hiệu Dell, màu trắng bạc; số DP/N: 988HF A00 DPC.

12.Thu giữ của Trần Minh T2: 01 (một) ĐTDĐ hiệu Xiaomi Redmi, màu xám; số Imei 1: 864850040353768, Imei 2: 864850040903760; thân máy có ghi dòng chữ Made in China Model: M2003J6A1G, có gắn sim ghi dãy số 8984 04800 00460 58587.

13.Thu giữ của Lê S:

-01 (một) ĐTDĐ hiệu ACE, màu xanh- cam; số Imei 1: 359053914451469, Imei 2: 359053914451477, có gắn sim ghi dãy số 8401 2205 5018 6354 IDE;

-01 (một) ĐTDĐ hiệu OPPO, màu xanh; số Imei 1: 867511058268432, Imei 2: 867511058268424, có gắn sim ghi dãy số 8401 2205 5019 0362 IDE và sim ghi dãy số 8984 04800 09010 97442;

-01 (một) ĐTDĐ hiệu Samsung, màu xanh; thân máy có ghi số Imei: 354626/19/165815/6, có gắn sim ghi dãy số 8401 1801 5115 1840 0T và sim ghi dãy số 89840 48000 33790 8444.

15.Thu giữ của Công ty M1:

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: PD7X2A01APCC, Số service Tag: HKGDBW2 (số A);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: DT38WA00APCC, Số service Tag: 3LY5LQ2 (số B);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: RVCJGA00APCC, Số service Tag: 339S033 (số C);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: RVCJGA00APCC, Số service Tag: 33WY033 (số D);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: WTD4KA01APCC, Số service Tag: 3D78XM3 (số E);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: WTD4KA01APCC, Số service Tag: 5R48XM3 (số F);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: RVCJGA00APCC, Số service Tag: 332X033 (số G);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: M2GMCA00APCC, Số service Tag: 8WSJ643 (số H);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: RVCJGA00APCC, Số service Tag: 345Y033 (số I);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: WTD4KA01APCC, Số service Tag: 44Z5XM3 (số A);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: RVCJGA00APCC, Số service Tag: 34JW033 (số A);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: PD7X2A01APCC, Số service Tag: HJ78BW2 (số A);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: WTD4KA01APCC, Số service Tag: B088XM3 (số A);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: 986T6A00APCC, Số service Tag: DBVBJ23 (số A);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: PD7X2A01APCC, Số service Tag: HKLCBW2 (số A+);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: WTD4KA01APCC, Số service Tag: 9VY5XM3 (số 14+);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: DT38WA00APCC, Số service Tag: 3L92LQ2 (số A);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: 5H37DA01APCC, Số service Tag: G7M90T2 (số A);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: 5H37DA01APCC, Số service Tag: JBFN8T2 (số A);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: G3CF8A00APCC, Số service Tag: JJWDH62 (số A);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: DT38WA00APCC, Số service Tag: BFNK6Q2 (số A);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: NKWWMA00APCC, Số service Tag: 29JZSF2 (số B);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: WTD4KA01APCC, Số service Tag: 9M78XM3 (số B);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: WTD4KA01APCC, Số service Tag: 7ZY5XM3 (số B);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: WTD4KA01APCC, Số service Tag: CS48XM3 (số B);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: PD7X2A01APCC, Số service Tag: HKD9BW2 (số B);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: PD7X2A01APCC, Số service Tag: HKMFBW2 (số B);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: PD7X2A01APCC, Số service Tag: HJN6BW2 (số B);

-01 (một) CPU hiệu DELL số DP/N: RVCJGA00APCC, Số service Tag: 335S033 (số B);

-01 (một) điện thoại bàn (số B);

-01 (một) máy photo hiệu SINDOH (số B).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ một số tài sản là điện thoại di động của các đối tượng Lê Thị Mai T15, Lê Văn T16, Lưu Phát T17, Lê Tuấn C2, Hoàng Thị T19, Nguyễn Ngọc L4, Nguyễn Công T20, Huỳnh Thị Kiêm B3, Dương Nguyên T21, Nguyễn Thị Kim P, Võ Thị Ngọc H4, Võ Phi K1, Hồ Thị L5. Tuy nhiên, chưa đủ cơ sở để xác định các đối tượng vừa nêu phạm tội. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ nên không chuyển giao các tài sản thu giữ của các đối tượng đã nêu cho Cơ quan Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra không thể hiện có yêu cầu gì đối với các bị cáo hoặc là có yêu cầu gì đối với nhau**.**

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 315/2025/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt **Đỗ Trọng Đ** 03 (ba) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 10/11/2022 đến ngày 21/02/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Đỗ Thanh T1** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 10/11/2022 đến ngày 06/01/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Lê S** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 15/11/2022 đến ngày 06/01/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Minh T2** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 15/11/2022 đến ngày 06/01/2023.

Ngày 19/6/2025 đến ngày 26/6/2025 các bị cáo Đỗ Trọng Đ, Trần Minh T2, Lê S, Đỗ Thanh T1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phần tranh tụng đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau: Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản" là đúng tội; tại phiên tòa các bị cáo cung cấp tài liệu gia đình có công Cách Mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo Đ mức án 3 năm tù; bị cáo T1, S và T2 mỗi bị cáo mức án 2 năm 9 tháng tù là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Theo nội dung bài bào chữa cho bị cáo Đ thể hiện: Bị cáo Đ không có hành vi chỉ đạo, hướng dẫn nhân viên mà các nhân viên vào làm việc tại Công ty thực hiện theo tiền lệ đã có từ trước; bị cáo Đ không trực tiếp cắt ghép hình ảnh mà do các nhân viên thực hiện để đòi nợ; bị cáo Đ thực hiện hành vi không nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại; Toà án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như có bà cố là mẹ Việt Nam anh hùng. Bị cáo Đ đủ điều kiện để cho hưởng án treo; mong Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T1 trình bày: Bị cáo T1 là sinh viên mới ra trường, bị cáo mới xin vào làm việc do kẻ khác chủ mưu thực hiện, bị cáo không biết việc làm của mình ảnh hưởng nghiêm trọng cho xã hội; hiện nay bị hại cũng đã làm đơn bãi nại cho bị cáo và bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường lại 10.000.000 đồng cho bị hại; hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện để cho hưởng án treo. Mong Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo S trình bày: Bị cáo S là lao động chính trong gia đình, mẹ bị cáo bị tai biến và chị gái là bà D1 đang bị bệnh tâm thần phải điều trị tại bệnh viện; cha mẹ bị cáo có công Cách Mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo; mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo S.

Người bào chữa cho bị cáo Tiến trình B4: Bị cáo T2 mới được làm việc tại Công ty trong một thời gian rất ngắn, không hiểu pháp luật nên thực hiện theo sự chỉ đạo của nhóm trưởng, cấp trên dẫn đến phạm tội; số tiền bị cáo đòi nợ chỉ có 21 triệu đồng, bị cáo thực hiện tội phạm nhưng chưa thu được tiền, nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt; nhân thân tốt phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, mẹ bị bệnh về

mắt bị mờ không lao động được, bị cáo là lao động chính trong gia đình; có nơi cư trú rõ ràng nên đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình để cho bị cáo được hưởng án treo, để có điều kiện lo cho gia đình.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của các Luật sư và không bổ sung thêm.

Không ai tham gia tranh tụng và các bị cáo có lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội, các bị cáo rất hối hận về việc làm của các bị cáo, do người khác chỉ đạo; mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, để có điều kiện lo cho gia đình;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Trọng Đ, Đỗ Thanh T1, Lê S, Trần Minh T2 đúng quy định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Bị cáo Đỗ Trọng Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ và bị cáo có Đơn xin xét xử vắng mặt và luật sư gửi bài bào chữa cho bị cáo Đ. Căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Đỗ Trọng Đ.

[3]. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Trọng Đ, Đỗ Thanh T1, Lê S, Trần Minh T2 thì thấy:

[3.1]. Bị cáo Đỗ Trọng Đ là trưởng nhóm 2; bị cáo là người lập tài khoản Zalo của nhóm, xét duyệt các thư rác do nhân viên trong nhóm 2 chuyển đến trước khi "Spam" khách hàng; để các đồng phạm dưới quyền quản lý của bị cáo sử dụng bôi nhọ nhân thân, uy hiếp tinh thần. làm cho khách hàng hoang mang lo sợ, giao tiền một cách trái pháp luật. Tổng số tiền nhóm của bị cáo đòi các bị hại phải trả là 86.935.145 đồng; bị cáo đã chỉ đạo trong nhóm thu hồi một phần tiền trái pháp luật của bị hại (nên Toà án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không phù hợp). Toà án cấp sơ thẩm căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo 3 năm tù là đã chiếu cố xem xét cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu bà cố là mẹ Việt Nam anh hùng chỉ là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; trong vụ án này bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu của nhóm 2 thực hiện tội phạm nên không đủ điều kiện để giảm án hay cho bị cáo hưởng án treo.

[2.2]. Bị cáo Đỗ Thành T26 đã sử dụng nhiều số điện thoại khác nhau điện vào số điện thoại, tài khoản Zalo, Facebook của bà H6, yêu cầu nà H6 trả nợ. Sau đó, bị cáo đăng tin nhắn, bình luận trên Facebook của bà H6, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp tạo áp lực quá nên bà H6 trả 10 triệu/27 triệu đồng (nên Toà án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không phù hợp). Toà án cấp sơ thẩm căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo 2 năm 9 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu mới tốt nghiệp đại học, bị

hại H6 đã được khắc phục trả lại 10 triệu đồng, có đơn bãi nại cho bị cáo và tại phiên Toà bà H6 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để làm căn cứ giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt; bị cáo trực tiếp thực hiện tội phạm và thu hồi một phần tiền của bị hại, phạm tội rất nghiêm trọng nên không đủ điều kiện để cho bị cáo hưởng án treo.

[2.3]. Bị cáo Lê S đòi bà H7 trả số nợ 41.148.094 đồng; Thông qua mạng xã hội, S đã tải, cắt ghép, tạo ra ảnh chứa hình và căn cước công dân của bà H7, con bà H7, ông Trần Đình T24 (em trai bà H7) kèm dòng chữ *"TRUY TÌM ĐỐI TƯỢNG LỪA ĐẢO…Đối tượng: TRẦN THỊ H7….đồng bọn: TRẦN ĐÌNH T24. TRẦN THỊ HUYỀN vay 40.000.000VNĐ nhưng bỏ trốn…"*. Bị cáo còn dùng tài khoản Facebook ảo "Boss LsLs" để "Spam" lên tài khoản Facebook của bà H7, gửi tin nhắn đến ứng dụng Messenger của ông T24 và ông Lê Viết B2 (anh họ bà H7), tạo áp lực để buộc bà H7 trả số nợ 41.148.094đ. Do lo sợ và không có tiền để trả nợ nên bà H7 tố giác với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an nên việc bị cáo phạm tội chưa đạt, chưa thu được tiền là ngoài ý muốn của bị cáo. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo 2 năm 9 tháng tù là phù hợp; tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu chị gái là Lê Thị D1 bị bệnh tâm thần, phải điều trị thường xuyên tại bệnh viện T29, tỉnh Gia Lai; cha và mẹ của bị cáo có công với Cách M được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, hoàn cảnh gia đình thật sự khó khăn là những căn cứ mới để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[2.4]. Bị cáo Trần Minh T2 đòi bà T25 số nợ 21.100.000 đồng. Từ ngày 07/10/2022 bị cáo dùng tài khoản Zalo "Thúy Hoàng" của Hoàng Thị T19 và tài khoản Zalo "Mua bán nợ" nhắn tin đe dọa, dùng Facebook "Pham Tuyet Uyen", "Phily Ponylai" và một số tài khoản khác để "Spam" quấy rối bà T25 và người thân của bà T25, tạo áp lực buộc bà T25 trả 21.100.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo 2 năm 9 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo mới vào làm việc cho Công ty M1, số tiền bị cáo yêu cầu bị hại trả thấp nhất trong các đồng phạm khác; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; mới phạm tội lần đầu; thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Căn cứ vào vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời bài bào chữa của luật sư cho bị cáo Đ là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; lời bào chữa của các luật sư cho bị cáo T26, bị cáo S và bị cáo T2 phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử; quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần. Do đó, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Đ, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo T26, bị cáo S và bị cáo T2; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm; bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Trọng Đ; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Thanh T1, bị cáo Lê S và bị cáo Trần Minh T2; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 315/2025/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Trọng Đ** 03 (ba) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 10/11/2022 đến ngày 21/02/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Thanh T1** 02 (hai) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 10/11/2022 đến ngày 06/01/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê S** 02 (hai) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 15/11/2022 đến ngày 06/01/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Minh T2** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Minh T2 cho Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Đồng Tháp để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Trần Minh T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Trọng Đ phải nộp 200.000 đồng;

Các bị cáo Đỗ Thanh T1, Lê S và Trần Minh T2 không phải chịu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- CA TP. HCM;
- BC;
- Lưu, NTTP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đinh Ngọc Thu H8 - Võ Văn K2	**Đặng Văn Ý**